



Tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế địa phương ở Việt Nam

DIỆP GIA LUẬT ^{a,*}, NGUYỄN ĐÀO ANH ^b

^a Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

^b Công ty TNHH VPLUS

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 06/05/2019 Ngày nhận lại: 09/08/2019 Duyệt đăng: 12/08/2019 Mã phân loại JEL: D04, E62, H72 Từ khóa: Phân cấp tài khóa; Tăng trưởng kinh tế; FGLS Keywords: Fiscal decentralization; Economic growth; FGLS.	Nghiên cứu nhằm kiểm định mối quan hệ tác động của quá trình phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế các địa phương ở Việt Nam giai đoạn 2005–2016. Dựa trên dữ liệu bảng gồm 62 địa phương, nghiên cứu sử dụng phương pháp kiểm định FGLS nhằm xác định tác động phân cấp chi hay thu đến tăng trưởng kinh tế các địa phương ở Việt Nam. Kết quả thực nghiệm cho thấy phân cấp thu và phân cấp chi ngân sách đều có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương. Đồng thời, nghiên cứu cũng tìm thấy ảnh hưởng phi tuyến trong phân cấp chi đến tăng trưởng kinh tế khi không kiểm soát tốt gây ra tiêu cực, lãng phí. Qua đó, nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị về cơ chế chính sách nhằm điều chỉnh tiến trình phân cấp tài khóa để duy trì tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế bền vững trong thời gian tới. Abstract This research aims to examine the impact of fiscal decentralization on regional economic growth in Vietnam for the period of 2015–2016. Based on panel data consisting of 62 provinces, this paper employs FGLS estimator to determine how revenue decentralization and expenditure decentralization impact regional economic growth in Vietnam. The empirical results show that both revenue and expenditure decentralization have significantly positive impacts on regional economic growth in Vietnam. Moreover, the study finds a nonlinear effect of expenditure decentralization on regional economic growth

* Tác giả liên hệ.

Email: gialuat@ueh.edu.vn (Diệp Gia Luật), anhnguyenytg@gmail.com (Nguyễn Đào Anh).

Trích dẫn bài viết: Diệp Gia Luật, & Nguyễn Đào Anh. (2019). Tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế địa phương ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh châu Á*, 30(7), 05–20.

when this process is out of control. Therefore, the study proposes some policy recommendations for the decentralization process aiming at sustainable economic growth.

1. Giới thiệu

Phân cấp tài khóa là một nội dung quan trọng của phân cấp quản lý tài chính công. Cải cách quản lý công dựa trên lý thuyết về quản trị công hiện đại đã mang lại thành tựu lớn cho nhiều nền kinh tế trên thế giới cũng như Việt Nam. Nội dung phân cấp tài khóa là giải quyết các mối quan hệ giữa các cấp chính quyền, quan trọng nhất là giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương về việc giải quyết các nội dung hoạt động ngân sách nhà nước, qua đó xác định quyền hạn, trách nhiệm giữa các cấp, đảm bảo giải quyết kịp thời nhiệm vụ quản lý nhà nước các cấp. Phân cấp tài khóa nhằm phát huy vai trò và tính năng động của địa phương trong quá trình điều hành ngân sách. Trong các mục tiêu phân cấp tài khóa hướng đến, mục tiêu phát triển kinh tế là trọng tâm. Tuy nhiên, thực tế khi tiếp cận về lý thuyết cũng như nghiên cứu thực nghiệm về tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế, các nghiên cứu có những kết luận khác nhau. Nhiều nghiên cứu kết luận phân cấp tài khóa đem lại hiệu quả tích cực cho tăng trưởng kinh tế như: Martinez-Vazquez và Boex (2001), Martinez-Vazquez và MacNab (2003); bên cạnh đó, phân cấp tài khóa được cho là có tác động thúc đẩy ổn định kinh tế vĩ mô nhờ tiết giảm chi phí xã hội như: Chi phí thông tin, chi phí hoạt động cung ứng dịch vụ công, đồng thời, phân cấp tài khóa thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển nếu kỷ luật tài khóa được thực thi một cách nghiêm ngặt như ở các nước phát triển, trong trường hợp ngược lại, khi mức độ tuân thủ kỷ luật tài khóa kém, phân cấp sẽ tạo ra mất cân bằng tiền tệ, tài khóa và làm suy yếu tăng trưởng kinh tế (Shah, 2006). Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác cho rằng phân cấp tài khóa mang lại tổn hại đến hiệu quả kinh tế, chẳng hạn như: Prud'homme (1994) kết luận rằng “nhiều khi chính quyền địa phương đi ngược lại với mục tiêu chính sách của chính quyền trung ương”; Bogoev (1991) cho rằng “khi chính phủ có sự phân cấp tài khóa rất mạnh sẽ thực hiện có hiệu quả chính sách tài khóa trong bối cảnh lạm phát cao và bất ổn kinh tế vĩ mô”.

Việt Nam đang trong quá trình cải cách về quản lý tài chính công, chính sách phân cấp tài khóa ngày càng được đẩy mạnh. Nội dung quá trình phân cấp tài khóa theo hướng ngày càng tăng tính chủ động về cho địa phương, khuyến khích các cấp địa phương khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đồng thời linh động hơn trong hoạch định và thực hiện thu - chi phù hợp với điều kiện nhằm mục đích giúp địa phương đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

Đã có nhiều nghiên cứu phân tích về ảnh hưởng của chính sách phi tập trung hóa lên tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và các nghiên cứu cũng có nhiều hướng phân tích khác nhau, tuy nhiên, phần lớn phân tích tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng chung mà không phân tích cơ cấu thành phần, hoặc phân tích cấu trúc phân cấp chỉ đến tăng trưởng. Nghiên cứu này thực hiện kiểm định tác động riêng của phân cấp thu, phân cấp chi tài khóa và tính phi tuyến của chúng đến tăng trưởng kinh tế địa phương. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng của 62 địa phương (do có sự hợp nhất 2 địa phương Hà Tây và Hà Nội) giai đoạn 2005–2016 và sử dụng phương pháp kiểm định bằng mô hình kinh tế lượng FGLS.

Ngoài nội dung giới thiệu khung lý thuyết, các nội dung tiếp theo bao gồm mô hình nghiên cứu, kết quả và gợi ý chính sách. Bố cục của nghiên cứu gồm 5 phần: (1) Giới thiệu; (2) Cơ sở lý thuyết; (3) Mô hình và dữ liệu nghiên cứu; (4) Kết quả và thảo luận; và (5) Kết luận và hàm ý chính sách.

2. Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước

2.1. Cơ sở lý thuyết

Martinez-Vazquez và McNab (1997) cho rằng “Phân cấp tài khóa là quá trình chuyển giao quyền hạn về phạm vi chi tiêu/nguồn thu từ trung ương cho địa phương. Trên cơ sở khả năng của cấp địa phương khi thực hiện các quyết định thu, chi độc lập trong phạm vi địa lý cho người dân trong địa phương mà mức phân cấp độ phân cấp hợp lý và hiệu quả”.

Musgrave (1959) và Oates (1972) cho rằng “Trên cơ sở hiệu quả kinh tế, lợi ích của việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ công được giới hạn về không gian, phù hợp với sở thích của người dân địa phương. Phân cấp tài khóa sẽ tạo điều kiện cho người dân bộc lộ sở thích thông qua bỏ phiếu vì quyền lợi của mình”. Hiệu quả cung cấp hàng hóa công tăng cao nếu như có sự tham gia của cấp chính quyền địa phương và chính quyền trung ương. Phân cấp tài khóa là làm cho chính quyền gần gũi với công chúng, được các nhà kinh tế cho là hiệu quả (Musgrave, 1983).

Ngân hàng phát triển châu Á (2004) cũng đã chỉ ra những lợi ích đáng kể của phân cấp tài khóa đến sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế: (1) Phân cấp tài khóa làm tăng tính hiệu quả của dịch vụ công và phúc lợi kinh tế cho công chúng; (2) phân cấp tài khóa tạo cơ hội cho chính quyền địa phương trong việc huy động nguồn thu; và (3) phân cấp tài khóa sẽ giúp địa phương xây dựng chính sách và có sự quản lý thích hợp đối với nguồn lực tự có của địa phương.

Chaudhuri (1959) kết luận: “Phân cấp tài khóa bên cạnh việc tạo ra nguồn lực tài chính độc lập tương đối cho mỗi cấp chính quyền để chủ động hơn khi thực hiện các chính sách kinh tế xã hội, đồng thời còn là động lực khuyến khích mỗi cấp chính quyền và dân cư địa phương tích cực khai thác các tiềm năng của mình để phát triển địa phương”.

Phân bổ nguồn lực trong khu vực công chủ yếu là theo ý chí chính trị. Tuy nhiên, có sự khác nhau về nhu cầu hàng hóa công giữa các vùng, các tầng lớp nhân dân. Cho nên, chính quyền trung ương chỉ cung cấp được tốt những hàng hóa công quốc gia, và phân cấp cho các địa phương cung cấp hàng hóa công địa phương. Điều này không những tăng phúc lợi của địa phương mà còn tăng tổng phúc lợi xã hội toàn quốc gia. Công dân có thể tự do di chuyển giữa những địa phương để đáp ứng nhu cầu cuộc sống tốt hơn. Do có sự cạnh tranh trong việc cung cấp hàng hóa công giữa các chính quyền địa phương, từ đó có thể đạt được hiệu quả Pareto trong phân bổ nguồn lực xã hội.

Theo lý thuyết phân quyền của Musgrave (1983) và Oates (1972), phân cấp tài khóa góp phần làm giảm chi phí thông tin, chi phí cung cấp hàng hóa công, và thúc đẩy phát triển khu vực tư nhân, cải thiện tăng trưởng kinh tế trong dài hạn; đồng thời tạo ra sự độc lập của Ngân hàng Trung ương với Chính phủ nhằm đảm bảo tính độc lập của chính sách tiền tệ.

Theo Oates (1972), hai chỉ tiêu để đo lường cho mức độ phân cấp tài khóa bao gồm:

Tỷ lệ chi tiêu địa phương (Expenditure Ratio - ER)

$$ER = \frac{\text{Tổng chi của chính quyền địa phương}}{\text{Tổng chi của ngân sách nhà nước}}$$

Tỷ lệ chi tiêu của chính quyền địa phương được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng chi ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách nhà nước. Để tránh tính trùng, tổng chi ngân sách địa phương đã loại bỏ phần chuyển giao của chính quyền trung ương cho chính quyền địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của chính quyền trung ương. Tổng chi ngân sách nhà nước được đo bằng tổng chi của chính quyền địa phương và chính quyền trung ương, trong đó không tính đến phần trợ cấp hay bổ sung ngân sách từ chính quyền trung ương cho chính quyền địa phương vì nó thuộc phạm vi ngân sách của chính quyền địa phương và đảm bảo khoản chi này chỉ được ghi một lần. Khi ER càng tiến tới gần 1 thì mức độ phân cấp càng cao.

Ngoài ra, Martinez và cộng sự (2006) đưa ra công thức xác định tỷ lệ chi theo GDP như sau:

$$ER_{GDP} = \frac{\text{Tổng chi của chính quyền địa phương}}{GDP}$$

Tỷ lệ nguồn thu địa phương (Revenue Ratio – RR)

Tỷ lệ thu được phân cấp của chính quyền địa phương được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng thu ngân sách địa phương được phân cấp với tổng thu ngân sách nhà nước. Tổng thu ngân sách địa phương được phân cấp không bao gồm số bổ sung ngân sách từ chính quyền trung ương cho chính quyền địa phương.

$$RR = \frac{\text{Tổng thu của chính quyền địa phương}}{\text{Tổng thu của ngân sách nhà nước}}$$

RR càng tiến tới gần 1 thì mức độ phân cấp càng cao.

Theo Martinez và cộng sự (2006), công thức xác định tỷ lệ thu theo GDP như sau:

$$RR_{GDP} = \frac{\text{Tổng thu của chính quyền địa phương}}{GDP}$$

Trường hợp nghiên cứu phân cấp tài khóa cho một địa phương cụ thể, để xác định mức độ tương xứng giữa thu và chi đã phân cấp cho địa phương đó, có thể sử dụng chỉ số tỷ lệ các khoản thu ngân sách được phân cấp so với tổng chi ngân sách của một địa phương cụ thể.

2.2. Các nghiên cứu trước đây về tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế địa phương

• Phân cấp tài khóa có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương

Nghiên cứu của de Mello và cộng sự (2001) được thực hiện trên dữ liệu 78 quốc gia giai đoạn 1980–1992 cho thấy sự phân cấp tài khóa và quản trị công có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra, tác động tích cực của phân cấp tài khóa cũng được chứng minh qua các bằng chứng thực nghiệm từ các nghiên cứu của Malik và cộng sự (2006), Faridi (2011) tại Pasikan trong hai giai đoạn 1971–2005 và 1972–2009; với bộ dữ liệu của 28 tỉnh tại Trung Quốc giai đoạn 1970–1993, Lin và Liu (2000) cũng tìm thấy kết quả tương tự.

Trên mô hình tăng trưởng nội sinh với chỉ tiêu công được phân tách thành các cấp chính quyền khác nhau, Xie và cộng sự (1999) đã tiến hành kiểm định tác động phân cấp tài khóa lên tăng trưởng kinh tế dài hạn của Mỹ giai đoạn 1948–1994. Kết quả cho thấy phân cấp chi giữa liên bang và địa phương làm tối đa hóa tăng trưởng. Buettner và cộng sự (2002) củng cố thêm lập luận này ở các nền

kinh tế phát triển, kết quả cho thấy khi giảm phân cấp tài khóa hay tăng chi tiêu của chính quyền liên bang dẫn đến tác động tích cực lên năng suất tổng hợp của nền kinh tế Đức ở giai đoạn 1950–1990. Nghiên cứu của Feltenstein và Iwata (2005) ở các nền kinh tế đang phát triển cũng ủng hộ lý thuyết phân cấp tài khóa dựa vào phát hiện tác động tích cực của phân cấp tài khóa lên tăng trưởng của Trung Quốc giai đoạn hậu chiến.

• ***Phân cấp tài khóa có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương***

Ngân hàng phát triển châu Á (2004) đưa ra cảnh báo những rủi ro trong phân cấp tài khóa bao gồm: (1) Nguy cơ giảm tính hiệu quả của quản lý ngân sách, nhất là khi chính quyền địa phương không thực hiện đầy đủ trách nhiệm, trình độ chuyên môn và quản lý yếu kém; (2) phân cấp tài khóa có thể làm bất bình đẳng giữa các địa phương tăng, có thể dẫn đến sự bất bình đẳng về tài khóa; (3) sự phân cấp về thuế có thể dẫn đến tình trạng bóp méo sự chuyển động của các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn, hàng hóa, dịch vụ) từ vùng này sang vùng khác, dẫn đến việc tạo ra một hệ thống tài khóa phi hiệu quả và không minh bạch xét trên góc độ tổng thể.

Nghiên cứu của Rodden (2002) ở các quốc gia đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi cho thấy vấn đề thường đi kèm với phân cấp là thâm hụt ngân sách, tham nhũng, tác động của các nhóm lợi ích, gia tăng bất bình đẳng giữa các địa phương và giảm tăng trưởng kinh tế. De Mello (2000) sử dụng dữ liệu nghiên cứu trên 30 quốc gia để khẳng định thất bại của việc phân cấp tài khóa là do thành kiến về thâm hụt tài khóa và quản trị công yếu kém, không đáp ứng các nguyên tắc cơ bản của chính sách phi tập trung hóa. Nghiên cứu của Philip và Isah (2012) tại Nigeria cũng cho kết quả phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chỉ có tác động tiêu cực đến tăng trưởng. Philip và Isah (2012) thực hiện mô hình phân tích từng phần, phát hiện phân cấp tài khóa tác động trái chiều lên tăng trưởng của Nigeria. Như vậy, tác động phân cấp tài khóa lên tăng trưởng kinh tế là không đồng nhất ở các nền kinh tế đang phát triển.

Hiệu ứng phân cấp tài khóa lên tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào bối cảnh phát triển của nền kinh tế (Romero-Avila & Strauch, 2008; Woller & Phillips, 1998; Bùi Thị Mai Hoài và cộng sự, 2014). Davoodi và Zou (1998) sử dụng dữ liệu bảng 46 quốc gia trong giai đoạn 1970–1989 để kiểm tra mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và tăng trưởng kinh tế, trong dữ liệu nghiên cứu đó, các quốc gia phát triển có mức phân cấp tài khóa cao hơn các quốc gia đang phát triển (33% so với 20%). Kết quả minh chứng mối quan hệ ngược chiều giữa phân cấp tài khóa và tăng trưởng ở các quốc gia đang phát triển nhưng không tồn tại ở các quốc gia phát triển.

Nghiên cứu về chính sách tài khóa và tăng trưởng nhấn mạnh tầm quan trọng của quản trị công. Cụ thể, phân tích mối quan hệ phân cấp tài khóa và tăng trưởng tại 23 quốc gia OECD giai đoạn 1975–2001, Baskaran (2009) phát hiện giữa tự chủ chính trị và tự chủ tài khóa của chính quyền địa phương khi thực hiện chương trình phi tập trung hóa; mức độ tự chủ chính trị cao thay cho tự chủ tài khóa của các chính quyền địa phương dường như gây cản trở tăng trưởng vì gia tăng xung đột ý thức hệ, sự tự chủ tài khóa có quan hệ chặt chẽ với quản trị địa phương và sự hợp tác giữa các cấp chính quyền. Sử dụng dữ liệu ở 30 quốc gia, de Mello (2000) khẳng định thất bại hợp tác tài khóa liên chính quyền dẫn đến các thành kiến về thâm hụt tài khóa trong quá trình điều hành chính sách, quan trọng là các quốc gia đang phát triển khi chưa đáp ứng các yêu cầu cơ bản của chính sách phi tập trung hóa.

Với dữ liệu giai đoạn 1980–1992 của 28 tỉnh Trung Quốc, Zhang và Zou (1998) chứng minh mức độ phân cấp chi tiêu cao trong thời kỳ chuyển đổi kinh tế đi đôi với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế địa phương thấp. Tương tự, nghiên cứu của Jin và Zou (2005) dùng dữ liệu 30 tỉnh ở Trung Quốc với

thời gian chia thành hai giai đoạn 1979–1993 (thực hiện hệ thống hợp đồng tài khóa) và 1994–1999 (thực hiện phân định thu thuế), kết quả cho thấy phân cấp tài khóa không mang lại lợi ích tăng trưởng. Tuy nhiên, theo Akai và Sakata (2002), phân cấp thu tạo ra động lực kích thích huy động nguồn thu của địa phương và tập trung hóa chi tiêu thúc đẩy tăng trưởng vì chính quyền trung ương chi tiêu hiệu quả hơn các tỉnh. Điều này hàm ý hiệu quả phân cấp tài khóa bất kỳ trường hợp nào phụ thuộc chủ yếu vào tính hợp lý của bản chất thể chế tài khóa, mối quan hệ liên chính quyền trong hệ thống chính trị và các thuộc tính khác của quốc gia (lịch sử, văn hóa...).

Nghiên cứu về phân cấp tài khóa và tăng trưởng kinh tế ở các nước có thu nhập cao thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) của Thieben (2003) cho rằng mức độ phân cấp tài khóa trong 30 năm qua đã đạt mức cân bằng. Thieben (2003) phân tích mối quan hệ thực nghiệm lâu dài giữa tăng trưởng kinh tế bình quân đầu người, hình thành vốn, tăng trưởng năng suất tổng hợp và phân cấp tài khóa cho các quốc gia có thu nhập cao OECD và ủng hộ quan điểm rằng mối quan hệ là tích cực khi phân cấp tài khóa đang tăng từ mức thấp, nhưng sau đó đạt đến đỉnh điểm và chuyển sang tiêu cực. Kết quả nghiên cứu của Thieben (2003) hàm ý cho các nhà hoạch định chính sách tại các quốc gia có mức độ phân cấp tài khóa tương đối thấp có thể đẩy mạnh tăng trưởng bằng cách tăng mức phân cấp.

Phân tích về tác động của cấu trúc chi ngân sách địa phương đến tăng trưởng kinh tế dựa trên dữ liệu của 61 tỉnh thành ở Việt Nam giai đoạn 2001–2005 và kiểm định POLS, Phạm Thế Anh (2008) kết luận các danh mục trong chi đầu tư có tác động tích cực hơn so với các danh mục chi thường xuyên thuộc các lĩnh vực: Nông, lâm, thủy sản, giáo dục và đào tạo, y tế. Trong khi đó, Nguyễn Phi Lân (2009) sử dụng mô hình FEM (Fixed Effects) và REM (Random Effects) với dữ liệu 61 tỉnh/thành giai đoạn 2000–2005 cho thấy kết quả phân cấp thu có tác động cùng chiều với tăng trưởng, nhưng phân cấp chi lại có tác động ngược chiều với tăng trưởng kinh tế địa phương ở Việt Nam.

Tóm lại, phân cấp tài khóa tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế địa phương và tăng trưởng kinh tế quốc gia; tùy vào dữ liệu nghiên cứu, giai đoạn kinh tế, thể chế chính trị và bối cảnh đặc thù của từng quốc gia... mà phân cấp tài khóa có tác động tích cực hay tiêu cực.

3. Mô hình và dữ liệu nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu của tác giả xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu của Barro (1990), Pose và Kroijer (2009), Thieben (2003) bởi vì những nghiên cứu này thực hiện phân tích mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và tăng trưởng kinh tế ở các nước phát triển và đang phát triển, đồng thời có kiểm định mối quan hệ ảnh hưởng trong dài hạn giữa tăng trưởng kinh tế bình quân đầu người, hình thành vốn và yếu tố năng suất tổng hợp với phân cấp tài khóa. Kết luận các nghiên cứu này ủng hộ quan điểm cho rằng có mối quan hệ tích cực khi phân cấp tài khóa tăng từ mức thấp, nhưng sau đó khi tăng lên mức cao đạt điểm tối ưu thì chuyển sang tiêu cực. Nghiên cứu của tác giả sử dụng dữ liệu bảng, bao gồm: Các biến độc lập là các biến phân cấp tài khóa (phân cấp thu và phân cấp chi), các biến kiểm soát (vốn đầu tư, lao động và độ mở thương mại), và biến phụ thuộc là GDP/đầu người (Bảng 1). Mô hình nghiên cứu được mô tả qua 2 phương trình sau:

(1) Phương trình tác động của phân cấp nguồn chi ngân sách đến tăng trưởng kinh tế:

$$Y_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 Fe_{it} + \alpha_2 Fe_{it}^2 + \alpha_3 Inv_{it} + \alpha_4 Laf_{it} + \alpha_5 Op_{it} + u_{it} \quad (1)$$

(2) Phương trình tác động của phân cấp thu ngân sách đến tăng trưởng kinh tế:

$$Y_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 Fr_{it} + \alpha_2 Fr_{it}^2 + \alpha_3 Inv_{it} + \alpha_4 Laf_{it} + \alpha_5 Op_{it} + u_{it} \quad (2)$$

Trong đó, biến phụ thuộc Y đại diện cho tăng trưởng kinh tế địa phương, được đo bằng log tự nhiên của GDP/đầu người của tỉnh.

Các biến độc lập được liệt kê dưới đây:

Fe: Biến đại diện phân cấp chi ngân sách, được tính bằng tỷ lệ % tổng chi ngân sách tỉnh/tổng chi ngân sách;

Fe_{it}^2 đưa vào mô hình nhằm kiểm định mối quan hệ phi tuyến giữa phân cấp chi ngân sách và tăng trưởng kinh tế;

Fr: Biến đại diện phân cấp thu ngân sách, được tính bằng tỷ lệ % tổng thu ngân sách tỉnh/tổng thu ngân sách. Các khoản thu ngân sách tỉnh không bao gồm các khoản hỗ trợ, chuyển giao từ trung ương cho tỉnh;

Fr_{it}^2 được đưa vào mô hình kiểm định mối quan hệ phi tuyến giữa phân cấp thu ngân sách và tăng trưởng kinh tế;

Inv: Biến đại diện cho đầu tư tư nhân, lấy log tự nhiên của vốn đầu tư tư nhân;

Laf: Tỷ lệ lực lượng lao động;

Op: Biến đo lường độ mở thương mại của địa phương, tính bằng tỷ lệ của tổng kim ngạch xuất nhập khẩu/GDP tỉnh;

u_{it} : Sai số ngẫu nhiên.

Bảng 1.

Mô tả các biến cơ sở, ký hiệu sử dụng trong mô hình và dấu kỳ vọng

Biến	Ký hiệu	Nguồn	Đơn vị tính	Kỳ vọng
Tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh (GDP/đầu người của tỉnh)	Y	Tổng cục Thống kê ¹ , Bộ Tài chính ²	%	+
Biến đại diện phân cấp chi ngân sách, tỷ lệ % tổng chi ngân sách tỉnh/tổng chi ngân sách nhà nước (Jin & Zou, 2005; Barro, 1990; Zhang & Zou, 1998), được tính theo đầu người	Fe	Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính	%	+
Biến đại diện phân cấp thu ngân sách, tỷ lệ % tổng thu ngân sách tỉnh/tổng thu ngân sách nhà nước (Jin & Zou, 2005; Barro, 1990; Zhang & Zou, 1998), được tính theo đầu người	Fr	Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính	%	+
Biến đại diện cho đầu tư tư nhân, lấy log tự nhiên của vốn đầu tư tư nhân (Jin & Zou, 2005; Zhang & Zou, 1998)	Inv	Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính	log (giá trị đầu tư)	+

¹ <https://www.gso.gov.vn/>: Số liệu từ 2005–2016.

² <http://mof.gov.vn/>: Số liệu 2005–2016.

Biến	Ký hiệu	Nguồn	Đơn vị tính	Kỳ vọng
Biến tỷ lệ lực lượng lao động	<i>Laf</i>	Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính	%	+/-
Biến đo lường độ mở thương mại của địa phương, là tỷ lệ của tổng kim ngạch xuất nhập khẩu/GDP (Jin & Zou, 2005; Zhang & Zou, 1998)	<i>Op</i>	Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính	%	+

Nghiên cứu kiểm định dựa trên bộ dữ liệu của 62 địa phương ở Việt Nam giai đoạn 2005–2016 bằng cách sử dụng các mô hình kiểm định gồm: Mô hình ước lượng dữ liệu bảng bình phương tối thiểu – Pooled Ordinary Least Squares (POLS), mô hình tác động cố định – Fixed Effects Model (FEM), mô hình tác động ngẫu nhiên – Random Effects Model (REM). Trong quá trình kiểm định lựa chọn mô hình tối ưu, nếu vi phạm các giả thuyết như: Tự tương quan và phương sai sai số thay đổi làm cho kết quả các ước lượng không hiệu quả, các kiểm định hệ số hồi quy không còn đáng tin cậy, nghiên cứu sẽ lựa chọn mô hình bình phương bé nhất tổng quát khả thi - Feasible General Least Square (FGLS) (Wooldridge, 2002) để khắc phục hiện tượng tự tương quan, phương sai sai số thay đổi và phương pháp GMM (Generalized Method of Moments) (Arellano & Bond, 1991) để khắc phục hiện tượng nội sinh, nhằm đảm bảo ước lượng thu được vững và hiệu quả.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả kiểm định mô hình

Kết quả mô tả thống kê các biến trong mô hình dựa vào bộ dữ liệu được thể hiện qua Bảng 2 với 744 quan sát.

Bảng 2.

Kết quả mô tả thống kê các biến trong mô hình nghiên cứu

STT	Tên biến	Ký hiệu	Số lượng	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung vị	Độ lệch chuẩn
1	Tăng trưởng kinh tế	Y	744	3,04	7,95	4,93	1,17
2	Phân cấp chi ngân sách	Fe	744	0,06	1,42	0,72	0,18
3	Phân cấp thu ngân sách	Fr	744	0,11	1,05	0,64	0,26
4	Đầu tư tư nhân	Inv	744	2,95	7,58	5,99	1,24
5	Lực lượng lao động	Laf	744	95,09	121,87	101,89	2,66
6	Độ mở thương mại của tỉnh	Op	744	0,00	8,33	0,44	0,83

Với biến phụ thuộc tăng trưởng kinh tế, nghiên cứu cho thấy tăng trưởng kinh tế dao động trong khoảng 3,04% đến 7,95% với độ lệch chuẩn là 1,17 %. Tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh/thành tương đối không đồng đều, điều này phản ánh thực tế tăng trưởng tại một số địa phương vượt trội hơn so với các tỉnh còn lại. Qua thống kê số liệu, các địa phương ở vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ có

thu nhập bình quân đầu người và tăng trưởng thu nhập cao nhất nước, kể đến là các địa phương vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Giá trị phân cấp chi ngân sách trong mẫu nghiên cứu có mức trung bình là 0,06% với độ lệch chuẩn là 0,18%; phân cấp thu ngân sách có mức trung bình là 0,11% với độ lệch chuẩn là 0,26%. Hầu hết các địa phương ở vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên có mức phân cấp tài khóa bình quân đầu người cao nhất. Điều này phản ánh thực tế là các địa phương này không thực hiện điều tiết ngân sách về trung ương mà để lại các nguồn thu để cân đối ngân sách. Ngoài ra, chỉ tiêu độ mở thương mại đạt giá trị trung bình là 0,44%, đầu tư tư nhân đạt giá trị trung bình 5,99%, còn lực lượng lao động có giá trị trung bình 101,89%.

Nghiên cứu lần lượt sử dụng ước lượng POLS, FEM, REM, sau đó so sánh từng cặp bằng kiểm định F-Test, Hausman để lựa chọn ước lượng tốt nhất cho mô hình. Kết quả kiểm định các điều kiện phương sai thay đổi, tự tương quan cho thấy các mô hình kiểm định trên không cho ra kết quả tối ưu, cho nên nghiên cứu lựa chọn phương pháp FGLS để ước lượng mô hình và sau đó sử dụng mô hình GMM kiểm định tính nội sinh để khẳng định độ tin cậy của mô hình nghiên cứu. Kết quả ước lượng được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3.

Kết quả ước lượng FGLS cho hai mô hình tác động phân cấp tài khóa thu và phân cấp tài khóa chi đến tăng trưởng kinh tế địa phương

STT	Biến	Mô hình phân cấp chi		Mô hình phân cấp thu	
		Hệ số (Coef.)	Giá trị P (p-value)	Hệ số (Coef.)	Giá trị P (p-value)
1	Fe	10,279	0,000	–	–
2	Fe ²	–6,491	0,000	–	–
3	Fr	–	–	1,175	0,002
4	Fr ²	–	–	1,369	0,003
5	Op	0,424	0,000	0,376	0,000
6	Inv	0,921	0,000	0,106	0,000
7	Laf	0,034	0,002	0,007	0,525
8	Cons	5,194	0,000	2,817	0,023
		Wald chi ² (5) = 244,76, Prob > Chi ² = 0,0000		Wald chi ² (5) = 109,96 Prob > chi ² = 0,0000	

Kết quả Prob > chi² = 0,0000 nên ước lượng này là phù hợp và có ý nghĩa thống kê cho cả hai mô hình với biến số đầu tư tư nhân (Inv), biến độ mở thương mại (Op) có tác động cùng chiều đến tăng trưởng kinh tế ở cả hai mô hình; biến lực lượng lao động (Laf) có tác động dương trong mô hình phân cấp chi, nhưng lại không có ý nghĩa thống kê ở mô hình phân cấp thu. Điều này cho thấy, trong mô hình phân cấp thu thì yếu tố về lực lượng lao động vẫn chưa kết luận là có tác động đến tăng trưởng kinh tế địa phương hay không.

Trong mô hình phân cấp chi, biến số phân cấp chi ngân sách (Fe) có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương, biến (Fe^2) thì ngược lại. Như vậy, phân cấp chi vẫn có tác động tích cực đến tăng trưởng, tuy nhiên, đến một ngưỡng của phân cấp chi thì sẽ tác động tiêu cực, đó là việc chi quá nhiều dẫn đến tác động có xu hướng làm giảm tăng trưởng kinh tế, thể hiện hệ số âm của Fe^2 . Điều này đúng so với thực tế những gì đang diễn ra ở Việt Nam, việc chi quá nhiều dẫn đến bội chi ngân sách cao, tổng nợ công tăng nhanh có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế ổn định trong dài hạn. Phát hiện này một phần khá tương đồng với kết quả của Nguyễn Phi Lâm (2009) với 64 tỉnh thành phố của Việt Nam trong hai giai đoạn riêng biệt 1997–2001 và 2002–2007, trong đó, giai đoạn 1997–2001, phân cấp chi có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế đặc biệt là chi đầu tư, nhưng giai đoạn 2002–2007 thì chi đầu tư lại có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, cũng có khác biệt với các nghiên cứu như: Phạm Thế Anh (2008), Hoàng Thị Chinh Thon và cộng sự (2010), Faridi (2011), Salamatu và Abachi (2012).

Ở mô hình phân cấp thu, biến số phân cấp thu ngân sách (Fr) và (Fr^2) cùng tác động dương lên tăng trưởng kinh tế địa phương. Từ đó, ta thấy phân cấp thu có tác động kích thích chính quyền địa phương nỗ lực hơn trong huy động, khai thác nguồn thu trên địa bàn và cải thiện tình hình tài khóa (Shah, 1994, được trích dẫn bởi Jin và Jou (2005)).

Ngoài ra, các biến như: Độ mở thị trường (Op), đầu tư tư nhân (Inv), tỷ lệ lực lượng lao động (Laf) đều có tương quan dương với cả hai mô hình tăng trưởng. Trong mô hình phân cấp chi thì các biến số này có tác động tích cực với hệ số tương quan khá cao, cao nhất là biến đầu tư tư nhân (Inv) với hệ số 0,921. Kết quả cho thấy đầu tư tư nhân tác động khá mạnh trong mô hình phân cấp chi tác động đến tăng trưởng kinh tế, đây cũng là phát hiện của Nguyễn Phi Lâm (2009) trong giai đoạn 2002–2007. Tuy nhiên, với mô hình phân cấp thu, các biến số trên tác động yếu, biến tỷ lệ lực lượng lao động (Laf) lại không có ý nghĩa thống kê. Điều này có nghĩa là nếu phân cấp thu tăng lên đồng nghĩa với việc các nguồn đầu tư tư nhân hay độ mở thị trường sẽ giảm.

Để giải quyết vấn đề nội sinh, nghiên cứu biến đổi hồi quy gốc thành mô hình bảng động, tức là sử dụng biến trễ của biến phương trình Y để làm biến độc lập, và sử dụng độ trễ của chính biến sai phân làm biến công cụ và tiến hành hồi quy bằng phương pháp GMM để kiểm định mối quan hệ giữa Fr và Fe đối với Y.

Bảng 4.

Kết quả ước lượng GMM cho 2 mô hình

STT	Biến	Mô hình phân cấp chi		Mô hình phân cấp thu	
		Hệ số (Coef.)	Giá trị P (p-value)	Hệ số (Coef.)	Giá trị P (p-value)
1	Y_{t-1}	0,8749	0,000	0,8947	0,000
2	Fe	2,0612	0,000	–	–
3	Fe^2	–1,1775	0,000	–	–
4	Fr	–	–	0,4128	0,000
5	Fr^2	–	–	–0,2622	0,001
6	Op	–0,0676	0,002	–0,0082	0,624

STT	Biến	Mô hình phân cấp chi		Mô hình phân cấp thu	
		Hệ số (Coef.)	Giá trị P (p-value)	Hệ số (Coef.)	Giá trị P (p-value)
7	Inv	0,0121	0,241	0,0158	0,001
8	Laf	-0,0118	0,005	0,0185	0,000
9	Cons	0,9648	0,068	-1,5746	0,000
Kiểm định AR1: $Pr > z = 0,084$			Kiểm định AR1: $Pr > z = 0,030$		
Kiểm định AR2: $Pr > z = 0,421$			Kiểm định AR2: $Pr > z = 0,303$		
Kiểm định Sargan: $Prob > \chi^2 = 0,575$			Kiểm định Sargan: $Prob > \chi^2 = 0,454$		
Kiểm định Hansen: $Prob > \chi^2 = 0,486$			Kiểm định Hansen: $Prob > \chi^2 = 0,280$		

Kết quả ước lượng GMM mô hình (1) và (2) ta có AR2: $Pr > z = 0,421$; AR2: $Pr > z = 0,303$, điều này chứng tỏ không có tương quan bậc 2. Kiểm định Hansen mô hình 1: $Prob > \chi^2 = 0,486$, mô hình 2: $Prob > \chi^2 = 0,280$ cho thấy ước lượng này là hợp lý.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ số giữa phân cấp chi (Fe) là 2,0612 và phân cấp thu (Fr) 0,4128 đối với tăng trưởng kinh tế (Y) đều cùng chiều, mang dấu dương giống như kết quả của FGLS. Điều này cho thấy là không có nội sinh trong phân cấp chi và phân cấp thu với tăng trưởng kinh tế.

4.2. Thảo luận

Dựa trên kết quả ước lượng theo FGLS, phân cấp chi ngân sách địa phương giai đoạn 2005–2016 có tác động tích cực lên tăng trưởng kinh tế - xã hội địa phương. Đồng thời, kết quả của nghiên cứu còn cho thấy mối quan hệ giữa phi tập trung hóa chi ngân sách tại Việt Nam có ảnh hưởng phi tuyến tính (-6,491), tác động âm khi mức phân cấp tăng cao. Kết quả nghiên cứu đồng nhất với quan điểm về tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế ở dạng phi tuyến, có hình chữ U ngược theo nghiên cứu của Thieben (2003).

Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn qua, bên cạnh những thành tựu đạt được, có đóng góp của những thành quả cải cách cơ chế quản lý nhà nước, tuy nhiên, quá trình phi tập trung hóa chi ngân sách đã xuất hiện những hạn chế như: Phân cấp tràn lan, thiếu quy hoạch và phân tán, dẫn đến chi tiêu quá nhiều, gây thâm hụt ngân sách cao; chất lượng quy hoạch kém làm cho đầu tư công kém hiệu quả, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình thấp (Vũ Thành Tự Anh, 2012). Kết luận của nghiên cứu cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm trong tình hình phân cấp tài khóa ở Việt Nam, từ đó cùng có thêm các nhận định lý thuyết mà các nghiên cứu trước đây chưa thực hiện.

Về phi tập trung hóa thu ngân sách, biến phân cấp thu (Fr) có tác động tích cực đối với tăng trưởng kinh tế và có ý nghĩa. Kết quả này tương thích với kết luận của Faridi (2011) cho thấy cấp chính quyền tỉnh/thành thời gian qua đã huy động tốt các nguồn thu được phân cấp, cũng như giải quyết tốt mối quan hệ về lợi ích giữa các chủ thể trong mối quan hệ kinh tế ở địa phương. Đi đôi với huy động các nguồn lực, chính quyền địa phương còn quan tâm các giải pháp gia tăng nguồn thu. Tuy nhiên, khi phân tích sâu trên thực tế, nguồn thu của các địa phương đã tăng lên trong thời gian gần đây không xuất phát từ thành quả của việc điều chỉnh nội dung và mức độ phân cấp tài khóa theo hướng để lại

nguồn thu ngày càng tăng cho địa phương, mà xuất phát từ việc các địa phương tập trung khai thác các nguồn thu để lại 100% có tính bền vững không cao, như: Thu từ bất động sản, xổ số kiến thiết, các nguồn thu từ chuyển quyền sử dụng đất. Như vậy, nếu nguồn thu các địa phương phụ thuộc quá lớn vào những nguồn này thì sẽ rất dễ rơi vào trường hợp “căn bệnh Hà Lan” (Vũ Sỹ Cường, 2013).

Yếu tố đầu tư khu vực tư nhân (Inv) có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương, thể hiện ở cả hai mô hình, với hệ số hồi quy riêng $\alpha = 0,921$ (đối với phân cấp chi) và 0,106 (đối với phân cấp thu). Điều này cho thấy, khi gia tăng 1% thu hút đầu tư sẽ dẫn đến kinh tế tăng trưởng mức tăng tương ứng 0,921% và 0,106% xét khi các yếu tố khác không đổi. Kết quả nghiên cứu cho thấy giai đoạn 2005–2016, chính sách thu hút vốn đầu tư khu vực tư của các địa phương có hiệu quả.

Biến độ mở thương mại của địa phương (Op) ở giai đoạn 2005–2016 có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế trong cả hai mô hình. Hệ số hồi quy $\alpha = 0,424$ (đối với phân cấp chi) và 0,376 (đối với phân cấp thu). Điều này cho thấy, khi gia tăng 1% độ mở thương mại sẽ dẫn đến tăng trưởng kinh tế địa phương, mức tăng tương ứng 0,424% và 0,376% khi các yếu tố khác không đổi. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, trong giai đoạn 2005–2016, hoạt động xuất nhập khẩu của các địa phương đạt hiệu quả. Với việc khai thác tiềm năng kinh tế và các chương trình chính sách ưu đãi của các cấp chính quyền, các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng do địa phương và trung ương đầu tư trên địa bàn, các địa phương đã đẩy mạnh xuất khẩu và mang lại những thành quả tích cực. Vì vậy, trong tương lai địa phương cần có chính sách khuyến khích đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu.

Ngoài ra, nghiên cứu còn phát hiện lao động đóng góp tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương ở cả hai mô hình, với mức ý nghĩa 1%.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Phân tích tác động phân cấp tài khóa đối với tăng trưởng kinh tế địa phương dựa trên mô hình tăng trưởng tân cổ điển, bằng phương pháp kiểm định qua mô hình FGLS, dựa trên bộ dữ liệu của 62 địa phương ở Việt Nam giai đoạn 2005–2016, nghiên cứu có các kết luận sau:

- Phí tập trung hóa chi ngân sách và thu ngân sách đều có tác động tích cực đến tăng trưởng giai đoạn 2005–2016. Trong đó, phí tập trung hóa chi ngân sách có dấu hiệu ảnh hưởng phi tuyến: Nếu như phân cấp quá lớn cho địa phương sẽ mất kiểm soát, gây ra tiêu cực, lãng phí... làm giảm tốc độ tăng trưởng. Từ đó, có thể thấy được nội dung phân cấp đang được Nhà nước vận dụng mang lại hiệu quả tích cực, tuy nhiên, cần phải hoàn thiện hơn trong giai đoạn tới.

- Các biến lực lượng lao động và đầu tư tư nhân có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Độ mở thương mại trong giai đoạn 2005–2016 cũng có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, hiệu quả xuất nhập khẩu của các địa phương chưa cao, cũng như chưa tương xứng với tiềm năng.

Một số hàm ý chính sách từ kết quả nghiên cứu:

- *Thứ nhất*, cần hoàn thiện, đổi mới phân cấp chi ngân sách. Cụ thể, nên ban hành các quy định kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, đầu tư công; từng bước thay đổi phương thức quản trị, phân bổ nguồn lực tài chính từ phương thức theo yếu tố đầu vào sang phương thức mục tiêu, kết quả đầu ra. Các địa

phương phải xây dựng khuôn khổ chi tiêu trung hạn (MTEF³) làm cơ sở để phân bổ các nguồn lực tài chính hiệu quả; áp dụng hệ thống M&E⁴ vào chi ngân sách. Theo IMF⁵ (2009), coi hệ thống M&E là một công cụ của quản trị công cần thiết, từ đó nhất thiết phải tiến hành đổi mới quản trị công và coi đó là nền tảng để đổi mới hệ thống M&E.

- *Thứ hai*, chính quyền các tỉnh/thành nên sử dụng tốt và hiệu quả các nguồn thu được phân cấp, đồng thời có biện pháp để bồi dưỡng nguồn thu. Nhằm đảm bảo có sự phát triển ổn định bền vững, các tỉnh cần giảm dần sự phụ thuộc vào các nguồn thu từ đất đai.

- *Thứ ba*, để phát huy hơn nữa tác động tích cực của các yếu tố độ mở thương mại, đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế địa phương, cần nâng cao vai trò độc lập của địa phương trong điều hành chính sách; công khai, minh bạch, cập nhật các chính sách, áp dụng chính sách mục tiêu ưu đãi cho đầu tư tư nhân và khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, phát huy thế mạnh địa phương.

- *Thứ tư*, phải tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình về tài khóa ở cấp địa phương, mục tiêu hiệu quả của việc đẩy mạnh phân cấp tài khóa chỉ có thể đạt được như mong đợi khi gắn kết hoạt động tài khóa với tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Điều này cũng đã được kiểm định qua nghiên cứu của de Mello và Barenstein (2001) khi cho rằng yếu tố quyết định hiệu quả của phân cấp tài khóa là tạo ra cơ chế để nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương với người dân■

Chú thích

Nghiên cứu này là sản phẩm gắn liền với Luận văn Thạc sĩ Kinh tế thực hiện bởi học viên Nguyễn Đào Anh tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, hướng dẫn bởi PGS.TS. Diệp Gia Luật, tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Ngày bảo vệ 26/04/2019.

³ MTEF (Medium Term Expenditure Framework) là khuôn khổ chi tiêu trung hạn. Mô hình MTEF được các quốc gia áp dụng đối với việc dự toán các khoản chi tiêu từ ngân sách nhà nước.

⁴ M&E (Monitoring & Evaluation) là hệ thống giám sát và đánh giá kết quả.

⁵ IMF (International Monetary Fund) là một tổ chức quốc tế giám sát hệ thống tài chính toàn cầu bằng cách theo dõi tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán, cũng như hỗ trợ kỹ thuật và giúp đỡ tài chính khi có yêu cầu.

Tài liệu tham khảo

- Akai, N., & Sakata, M. (2002). Fiscal decentralization contributes to economic growth: Evidence from state-level cross-section data for the United States. *Journal of Urban Economics*, 52(1), 93–108.
- Arellano, M., & Bond, S. (1991). Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence and an application to employment equations. *The Review of Economic Studies*, 58(2), 277–297.
- Barro, R. J. (1990). Government spending in a simple model of endogeneous growth. *Journal of Political Economy*, 98(5), S103–S126.
- Baskaran, T. (2009). *Fiscal decentralization and fiscal policy: An economic analysis* (Doctoral dissertation). Retrieved from https://www.researchgate.net/publication/42251634_Fiscal_Decentralization_and_Fiscal_Policy_An_Economic_Analysis
- Bogoev, K. (1991). The dangers of decentralization: The experience of Yugoslavia. In R. Prud'homme (Ed.), *Public Finance with Several Levels of Government* (pp. 99–112). Brussels: Foundation Journal of Public Finance.
- Buettner, T., Behnisch, A., & Stegarescu, D. (2002). *Public sector centralization and productivity growth: Reviewing the German experience*. Retrieved from <http://ftp.zew.de/pub/zew-docs/dp/dp0203.pdf>
- Bùi Thị Mai Hoài, Sử Đình Thành, & Mai Đình Lâm. (2014). Fiscal policy in association with sustainable economic growth in the period 2011–2020. *Journal of Economic Development*, 220, 19–40.
- Chaudhuri, P. K. (1959). Decentralisation or Delegation of Power?. The Rajasthan Panchayat Samitis and Zila Parishad Act. *The Economic & Political Weekly*, 11(40), 1365–1368.
- Davoodi, H., & Zou, H. F. (1998). Fiscal decentralization and economic growth: A cross-country study. *Journal of Urban Economics*, 43(2), 244–257.
- de Mello Jr, L. R. (2000). Fiscal decentralization and intergovernmental fiscal relations: A cross-country analysis. *World Development*, 28(2), 365–380.
- de Mello, L., & Barenstein, M. (2001). Fiscal decentralization and governance: A cross-country analysis. *Working Paper No. 01/71* (pp. 1–31). International Monetary Fund.
- Faridi, M. Z. (2011). Contribution of Fiscal Decentralization to Economic Growth: Evidence from Pakistan. *Pakistan Journal of Social Sciences*, 31(1), 1–13.
- Feltenstein, A., & Iwata, S. (2005). Decentralization and macroeconomic performance in China: Regional autonomy has its costs. *Journal of Development Economics*, 76(2), 481–501.
- Hoàng Thị Chinh Thon, Phạm Thị Thủy, & Phạm Thị Hương (2010). *Tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế tại các địa phương ở Việt Nam*. Truy cập từ <http://vepr.org.vn/upload/533/20170428/NC-19.pdf>
- Jin, J., & Zou, H. F. (2005). Fiscal decentralization, revenue and expenditure assignments, and growth in China. *Journal of Asian Economics*, 16(6), 1047–1064.
- Lin, J. Y., & Liu, Z. (2000). Fiscal decentralization and economic growth in China. *Economic Development and Cultural Change*, 49(1), 1–21.

- Malik, S., Mahmood-ul-Hassan, & Hussain, S. (2006). Fiscal Decentralisation and Economic Growth in Pakistan. *The Pakistan Development Review*, 45(4), 845–854.
- Martinez-Vasquez, J., & Boex, J. (2001). *Russia's Transition to a New Federalism*. Washington, D.C.: The World Bank. Retrieved from <http://documents.worldbank.org/curated/en/782321468777965547/Russias-transition-to-a-new-federalism>
- Martinez-Vazquez, J., & McNab, R. (1997). Fiscal decentralization, economic growth, and democratic governance. In *USAID Conference on Economic Growth and Democratic Governance, Washington, DC, October* (pp. 9–10).
- Martinez-Vazquez, J., & McNab, R. M. (2003). Fiscal decentralization and economic growth. *World Development*, 31(9), 1597–1616.
- Martinez-Vazquez, J., & McNab, R. M. (2006). Fiscal decentralization, macrostability, and growth. *Revista de Economía Publica*, 179, 25–49
- Musgrave, R. A. (1959). *Theory of Public Finance: A Study in Public Economy*. New York: McGraw-Hill.
- Musgrave, R. A. (1983). Public finance, now and then. *FinanzArchiv/Public Finance Analysis*, 41 (H.1), 1–13.
- Ngân hàng phát triển Châu Á. (2004). *Phục vụ và duy trì: Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia (trang 293-294).
- Nguyễn Phi Lâm. (2009). *Đánh giá tác động của phân cấp quản lý tài khóa đến tăng trưởng kinh tế địa phương tại Việt Nam*. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Hà Nội.
- Oates, W. E. (1972). *Fiscal Federalism*. New York: Harcourt Brace Jovanovich.
- Phạm Thế Anh. (2008). *Phân tích cơ cấu chi tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*. Truy cập từ <http://dl.ueb.vnu.edu.vn/bitstream/1247/55/2/NC-03.pdf>
- Philip, A. T., & Isah, S. (2012). An analysis of the effect of fiscal decentralisation on economic growth in Nigeria. *International Journal of Humanities and Social Science*, 2(8), 141–149.
- Pose, A., & Kroijer, A. (2009). Fiscal decentralization and economic growth in Central and Eastern Europe. *Growth and Change*, 40(3), 387–417.
- Prud'homme, R. (1994). On the dangers of decentralization. *Policy Research Working Paper Series No. 1252*. World Bank.
- Rodden, J. (2002). The dilemma of fiscal federalism: Grants and fiscal performance around the world. *American Journal of Political Science*, 46(3), 670–687.
- Romero-Avila, D., & Strauch, R. (2008). Public finances and long-term growth in Europe: Evidence from a panel data analysis. *European Journal of Political Economy*, 24(1), 172–191.
- Salamat, I., & Abachi, P. T. (2012). An analysis of the effect of fiscal decentralisation on economic growth in Nigeria. *International Journal of Humanities and Social Science*, 2(8), 141–149.
- Shah, A. (2006). *Local Governance in Developing Countries*. Washington, DC: The World Bank.
- Sử Đình Thành, & Bùi Thị Mai Hoài. (2012). Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá chi tiêu công dựa trên kết quả ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 258, 2–11.

- Thieben, U. (2003) Fiscal decentralization and economic growth in high-income OECD countries. *Fiscal Studies*, 24(3), 237–274.
- Vũ Sỹ Cường. (2013). *Chính sách tài khóa 2013 và những thách thức trong ngắn hạn và trung hạn*. Truy cập từ http://dl.ueb.vnu.edu.vn/bitstream/1247/9801/1/Chinh%20sach%20tai%20khoa%202013_Vu%20Sy%20Cuong.pdf
- Vũ Thành Tự Anh. (2012). Phân cấp kinh tế ở Việt Nam nhìn từ góc độ thể chế. *Kỷ yếu Diễn đàn Kinh tế mùa thu 2012*, 226–249.
- Woller, G. M., & Phillips, K. (1998). Fiscal decentralisation and IDC economic growth: An empirical investigation. *The Journal of Development Studies*, 34(4), 139–148.
- Wooldridge, J. M. (2002). Inverse probability weighted M-estimators for sample selection, attrition, and stratification. *Portuguese Economic Journal*, 1(2), 117–139.
- Xie, D., Zou, H. F., & Davoodi, H. (1999). Fiscal decentralization and economic growth in the United States. *Journal of Urban Economics*, 45(2), 228–239.
- Zhang, T., & Zou, H. F. (1998). Fiscal decentralization, public spending, and economic growth in China. *Journal of Public Economics*, 67(2), 221–240.